

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thái Văn Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**;

2. Ông **Y Mưng Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Văn Ph**, sinh năm 1967. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ph tự

nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì ông Ph tự bỏ nhà đi, cuối năm 2017 thì ông Ph quay về được mấy tháng rồi lại đi và chúng tôi đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, do bất đồng quan điểm sống; vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông Ph là vợ chồng để cả hai có cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông Ph có 02 con chung là Đỗ Văn Đ, sinh ngày 24/7/1992 và Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 15/01/2003. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, nên không yêu cầu giải quyết. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Th; tôi đề nghị Tòa án không công nhận giữa tôi và bà Th là vợ chồng. *Về con chung:* Quá trình chung sống tôi và bà Th có 02 con chung là Đỗ Văn Đ, sinh ngày 24/7/1992 và Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 15/01/2003. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, nên không yêu cầu giải quyết. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn có mặt.

Về đường lối giải quyết: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Ph. Về con chung, cấp dưỡng

nuôi con: 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Ph; bị đơn cư trú tại thôn E, xã C, huyện K nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Ph tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; hai bên chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Việc bà Th và ông Ph không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của chị G yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông Ph là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Ph là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3]. *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà Th và ông Ph có 02 con chung là Đỗ Văn Đ, sinh ngày 24/7/1992 và Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 15/01/2003. Do các con chung đã trên 18 tuổi, tự lập được nên bà Th, ông Ph không yêu cầu giải quyết; là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Bà Th và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Bà Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông Ph có 02 con chung là Đỗ Văn Đ, sinh ngày 24/7/1992 và Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 15/01/2003. Các con chung đã đủ 18 tuổi, bà Th và ông Ph không yêu cầu nên không xem xét giải quyết giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông Ph tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0007758 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Văn Hải